

# QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC VỀ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG ĐIỀU KIỆN CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

NGUYỄN MINH HOÀN\*  
NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG\*\*

*Từ khóa: giải phóng con người, phát triển con người, cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

*Ngày nhận bài: 08/5/2019; ngày gửi phản biện: 09/5/2019; ngày duyệt đăng bài: 19/6/2019.*

## **1. Quan điểm triết học Mác về bản chất con người và về sự tha hóa con người trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ nhất**

Trong giai đoạn hình thành và phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất cũng chính là bối cảnh cho sự hình thành quan điểm của triết học Mác và Ph.Ăng-ghen về con người. Trước hết, trong hệ thống những quan điểm mang tính cách mạng về bản chất con người ở thời kì này, C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã xuất phát từ sự phê phán những quan điểm duy tâm, siêu hình, đặc biệt là sự phê phán những quan điểm về bản chất con người của những đại biểu xuất sắc trong nền triết học cổ điển Đức. Theo C.Mác và Ph.Ăng-ghen, quan điểm duy tâm tư biện của Ph.Hêghen về con người thực chất chỉ là quan niệm về “con người chưa tìm được bản thân mình hoặc đã để mất bản thân mình một lần nữa” (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, 1995, tập 1, tr. 569), C.Mác và Ph.Ăng-ghen đi đến khẳng định: “*Con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ăn náu đầu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là thế giới con người, là nhà nước, là xã hội*” (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, 1995, tập 1, tr. 569). Bởi như C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã nhấn mạnh, bản chất ấy của con người không phải là cái gì khác, mà là: “Tổng số những lực lượng sản xuất, những tư bản và những hình thức xã hội của sự giao tiếp mà mỗi cá nhân và mỗi thế hệ thấy hiện có, là cơ sở hiện thực của cái mà các nhà triết học hình dung

\* PGS.TS.; Học viện Báo chí và tuyên truyền.

\*\* ThS.; Học viện Báo chí và tuyên truyền.

là “thực thể”, là “bản chất con người”,... một cơ sở hiện thực mà tác động và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của con người không hề bị ngăn trở” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 55).

Phê phán quan điểm của L.Phoi-ơ-bắc về bản chất con người, theo C.Mác, đó là những quan điểm vừa “hòa tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó”, vừa “hòa tan bản chất tôn giáo và bản chất con người”. và “do đó, ở Phoi-ơ-bắc, bản chất con người chỉ có thể được hiểu là “loài”, là tính phổ biến nội tại, cảm, găn bó một cách thuần túy tự nhiên đồng đảo cá nhân lại với nhau” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 11). Từ những phê phán ấy, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã đi đến kết luận mang tính cách mạng, rằng: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 19).

Đồng thời với việc khẳng định bản chất xã hội của con người, hay bản chất con người “là tổng hòa những quan hệ xã hội”, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n luôn nhấn mạnh đến sự găn bó chặt chẽ mỗi quan hệ giữa con người với giới tự nhiên - bản chất tự nhiên của con người, mà trước hết, “về mặt thể xác thì ở con người cũng như ở con vật, đời sống có tính loài là ở chỗ con người (cũng như con vật) sống bằng giới tự nhiên vô cơ và con người càng có tính phổ biến so với con vật thì phạm vi của giới tự nhiên vô cơ mà nó dựa vào để sống càng có tính phổ biến”. Theo nghĩa ấy thì giới tự nhiên cũng “là *thân thể vô cơ* của con người” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 134 - 135). Điều này như C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã làm rõ: “... chính trong việc cải biến thể giới vật thể, con người lần đầu tiên thực sự khẳng định mình là một *sinh vật có tính loài*. Sự sản xuất đó là đời sống có tính loài tích cực của con người. Nhờ sự sản xuất đó, giới tự nhiên biểu hiện ra là tác phẩm của nó (con người) và thực tại của nó. Do đó, đối tượng lao động là *sự đối tượng hóa đời sống có tính loài của con người*: con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức nữa mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân mình trong thể giới do mình sáng tạo ra” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 137).

Mặc dù con người cũng mang bản chất tự nhiên như vậy, song theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, “Bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất* ra những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thể con người đó gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình” (C.Mác và

Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 29). Như vậy, *lao động, một mặt* là cơ sở để phân biệt giữa con người với con vật, nghĩa là phân biệt giữa con người với một bộ phận (của toàn bộ *thân thể tự nhiên* của chính con người) - con vật. Do đó, *mặt khác, lao động*, hiểu theo nghĩa đó, đã thể hiện một *sự thống nhất* giữa bản chất tự nhiên và bản chất xã hội của chính con người.

Như vậy, bản chất tự nhiên và bản chất xã hội luôn thống nhất trong hoạt động lao động của con người. Điều này thể hiện ở chỗ: con người là chủ thể của xã hội, là yếu tố năng động nhất trong nền sản xuất xã hội. Để lướt mình, sản xuất xã hội là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích của con người, nhằm cải tạo vật chất tự nhiên để biến nó thành các tư liệu sinh hoạt thỏa mãn nhu cầu của đời sống xã hội. Tất cả các tư liệu sản xuất chỉ là công cụ để chủ thể lao động sử dụng nhằm thực hiện mục đích sản xuất của mình. Vì sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội tất yếu phải thông qua việc con người chiếm lĩnh và sử dụng ngày càng nhiều lực lượng tự nhiên với tư cách là cơ sở vật chất cho hoạt động sống của con người, cho nên mâu thuẫn tồn tại trong quá trình hoạt động của con người tác động vào giới tự nhiên là mâu thuẫn nảy sinh trong chính cuộc “đấu tranh” của con người nhằm cải tạo giới tự nhiên, “bắt” giới tự nhiên thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của mình.

Khẳng định vai trò của lao động đối với sự phát triển con người không chỉ ở bản chất tự nhiên mà còn ở bản chất xã hội, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n nhấn mạnh “lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế, đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: *lao động đã sáng tạo ra bản thân con người*” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 20, tr. 641). Đặc biệt, con người trong sự phát triển của mình nhờ lao động - không phải là con người cá thể mà đó là sự phát triển của con người xã hội. Về điều này C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n còn nhấn mạnh: “sự phát triển của lao động đã đưa đến kết quả tất yếu là thắt chặt thêm những mối liên hệ giữa các thành viên của xã hội bằng cách tạo ra rất nhiều trường hợp để cho con người giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với nhau và làm cho con người càng ngày càng có ý thức rõ rệt hơn về lợi ích của sự hợp tác ấy đối với mỗi thành viên riêng rẽ” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994, tập 20, tr. 645). Đồng thời, chính bởi xã hội dưới bất cứ hình thức nào đều là “sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 27, tr. 657); hơn nữa “lịch sử *chẳng qua chỉ là* hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 2, tr. 141); và như vậy, xã hội chính là kết quả hoạt động của con người, hay *hoạt động của con người đã là xã hội, đã tạo nên xã hội rồi*;

vì thế, nguồn gốc và động lực của sự phát triển xã hội phải được tìm trong chính lực lượng bản chất của con người, từ chính trong hoạt động lao động đó. Hơn nữa, xã hội không chỉ đơn thuần là kết quả hoạt động riêng lẻ của mỗi cá nhân. Nhấn mạnh hơn về điều này, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n từng nhận xét: “Con người làm ra lịch sử của mình - vô luận là lịch sử này diễn ra thế nào - bằng cách là mỗi người theo đuổi những mục đích riêng, mong muốn một cách có ý thức, và chính kết quả chung của vô số những ý muốn tác động theo nhiều hướng khác nhau đó và những ảnh hưởng muôn vẻ của những ý muốn đó vào thế giới bên ngoài đã tạo nên lịch sử” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 21, tr. 436). Vì như vậy, việc sáng tạo ra con người và quan hệ con người chính là một giá trị “văn hoá” cao nhất của con người, do con người và vì con người.

Cùng nhấn mạnh về vai trò lao động của con người quy định bản chất con người thể hiện trong vai trò chủ thể của lịch sử xã hội con người, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết: “Toàn bộ sự phát triển của xã hội loài người sau khi thoát khỏi giai đoạn dã man của động vật đều bắt đầu từ ngày mà lao động gia đình sản xuất ra được nhiều sản phẩm hơn số cần thiết để nuôi sống nó, từ ngày mà một phần lao động có thể được dùng không chỉ để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà còn để sản xuất những tư liệu sản xuất nữa. Số sản phẩm lao động dư ra ngoài cái chi phí để duy trì lao động, việc hình thành và phát triển một quỹ sản xuất và dự trữ xã hội nhờ vào số dư ấy, trước kia và hiện nay vẫn là những *cơ sở của mọi tiến bộ xã hội, chính trị và tinh thần*” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994, tập 20, tr. 272).

Mặc dù chỉ ra bản chất con người bị quy định bởi hoạt động lao động với tư cách sự *thống nhất* giữa bản chất tự nhiên và bản chất xã hội của chính con người như vậy, song trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đặt vấn đề rằng vì sao và “làm thế nào mà *con người* đi tới chỗ *thả hóa lao động* của mình? Sự thả hóa đó có cơ sở thế nào trong bản chất của sự phát triển của con người?” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 144). Về điều này, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã chỉ rõ:

*Thứ nhất*, trong mối quan hệ với tự nhiên, “... khi tước của con người đối tượng sản xuất của con người, lao động bị thả hóa cũng tước của con người *đời sống có tính loài* của con người, tính đối tượng có tính loài thực sự của con người và biến cái thế hơn của con người so với con vật thành cái tiêu cực đối với con người, vì con người bị tước mất thân thể vô cơ của mình, tức là giới tự nhiên” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 137 - 138); đồng thời, “... giới tự nhiên cũng như tài sản tinh thần có tính loài của con người, - bị biến thành một bản chất *xa lạ* với con người, thành

*phương tiện duy trì sự tồn tại cá nhân của con người. Lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất nhân loại của con người, trở thành xa lạ với con người”* (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 138).

*Thứ hai*, lao động xã hội của con người với tư cách là cơ sở quy định bản chất của con người, song theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, kết quả lao động cũng chính là lực lượng xa lạ thống trị lại chính người lao động. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết: “Công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo đáng càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật do anh tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc của anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 131). Để làm sâu sắc hơn trong việc chỉ ra diện mạo của xã hội tư bản chủ nghĩa mà ở đó kết quả lao động luôn là lực lượng chống lại người lao động, một lần nữa C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n nhấn mạnh: “Sự vật hoá biểu hiện ra là sự mất vật phẩm đến mức người công nhân bị tước mất những vật phẩm cần thiết nhất, cần thiết không chỉ cho đời sống mà cả cho công việc nữa” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 129); và “sự bần cùng của công nhân tỉ lệ thuận với sức mạnh và quy mô sản phẩm của anh ta” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 126).

*Thứ ba*, sâu sắc hơn nữa, để vạch rõ về bản chất lao động bị tha hóa trong chủ nghĩa tư bản thể hiện trong quan hệ lao động mà trước hết là quan hệ trao đổi nhu cầu “giữa những con người”, không những không làm gia tăng “sự phong phú thêm bản chất con người”, mà trái lại, như C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã chỉ rõ: “Mỗi người tìm cách thức tỉnh ở người khác một nhu cầu mới nào đó để buộc người đó phải mang tới một vật hi sinh mới, đặt người đó trong sự phụ thuộc mới, đẩy anh ta đến một hình thái hưởng thụ mới và do đó đến sự phá sản về kinh tế. Mỗi người tìm cách làm nảy sinh một lực lượng bản chất xa lạ nào đó thống trị người khác để tìm ra trong đó sự thỏa mãn nhu cầu vị kỉ của chính mình. Cho nên cùng với sự lớn lên của khối các vật phẩm, vương quốc của những bản chất xa lạ mà con người khuất phục cũng lớn lên và mỗi sản phẩm mới là một khả năng mới để lừa dối lẫn nhau và cướp đoạt lẫn nhau” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 184).

Những phân tích trên của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n cho thấy, nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa của lao động cũng có nghĩa là sự tha hóa bản chất con người, xét đến cùng là

bởi quan hệ bất công từ trong quan hệ giữa chính con người với tự nhiên; trong quan hệ với chính kết quả lao động của con người; giữa chính những con người trong điều kiện xã hội; và tựu chung lại “con người trở thành ngày càng nghèo khổ với tính cách là con người” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 184).

Với những căn nguyên đó của sự tha hóa lao động được chỉ ra cũng chính là lý do mà C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã giải thích việc tại sao chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được những thành quả phát triển cao của lực lượng sản xuất nhưng vẫn chưa thực hiện được mục tiêu tiến bộ xã hội vì sự phát triển con người. Thậm chí, như C.Mác và Ăng-ghe-n chỉ rõ: “mặc dù giai cấp tư sản đã đóng vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử nhưng xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến, đã không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 4, tr. 597). Hơn nữa, theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, sự phát triển của lực lượng sản xuất trong một hình thái kinh tế xã hội chỉ là tiêu chuẩn cơ bản nhất để so sánh sự phát triển về mặt kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội này với một hình thái kinh tế xã hội khác. Bởi vì, trong xã hội có giai cấp, những thành tựu to lớn của sự phát triển lực lượng sản xuất được gọi là cơ sở của nền văn minh vẫn chỉ là kết quả được thực hiện trong sự bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác mà thôi.

Như vậy, ngay cả khi lực lượng sản xuất có đạt đến trình độ phát triển cao nhưng nếu như quan hệ giữa người và người vẫn là quan hệ bóc lột, bất công, bất bình đẳng thì sự phát triển của lực lượng sản xuất vẫn mới chỉ dừng lại ở sự gia tăng và ngày càng hoàn thiện của *tư liệu sản xuất* chứ vẫn chưa phải là sự phát triển của *con người* với tính cách là một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất. Thêm nữa, nói tới xã hội trước hết là nói tới quan hệ giữa người với người bởi vì xã hội, dưới bất kì hình thức nào, như C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã nhận xét, đều là “sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người”. Vì vậy, dù tư liệu sản xuất có tăng lên bao nhiêu chăng nữa, ngày càng hiện đại hơn nữa mà người lao động vẫn phải chịu cảnh bị bóc lột, áp bức, bất công, lao động của anh ta, nói như C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n thì vẫn chưa phải là lao động *tự nguyện* mà là lao động *bị cưỡng bức*, không phải là sự thỏa mãn nhu cầu lao động mà chỉ là một *phương tiện* để thỏa mãn nhu cầu khác (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 132 - 133) nghĩa là con người vẫn chưa được giải phóng hoàn toàn thì cũng chưa thể nói rằng xã hội đã đạt đến đỉnh cao của sự tiến bộ.

Với những lí do được phân tích đó, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đi đến khẳng định rằng, những nền tảng vật chất to lớn của xã hội tư sản sẽ chỉ có thể thực sự trở thành cơ sở hiện thực cho sự hình thành một xã hội công bằng, trong đó con người được phát triển đầy đủ, tự do “sau khi cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nắm được những thành tựu của thời đại tư sản, nắm được *thị trường thế giới* và các lực lượng sản xuất hiện đại và làm cho những cái ấy phải chịu sự kiểm soát chung của những dân tộc tiên tiến nhất” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1993, tập 9, tr. 293).

Bên cạnh việc khẳng định vai trò của phát triển lực lượng sản xuất đối với tiến bộ xã hội vì mục tiêu phát triển ngày càng toàn diện con người, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n còn khẳng định vai trò sáng tạo và khả năng làm chủ của người lao động đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói chung trong lịch sử, kể cả trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản, khi trình độ phát triển của khoa học hiện đại tương chừng như là quyết định duy nhất cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết: “Không phải bằng lời nói mà bằng việc làm, người công nhân đã chứng minh rằng nền sản xuất với quy mô lớn và được tiến hành phù hợp với tiến bộ của khoa học hiện đại, có thể thực hiện được mà không cần đến giai cấp những người chủ sử dụng lao động của giai cấp công nhân làm thuê; họ đã chứng minh rằng muốn sản xuất có kết quả thì công cụ lao động hoàn toàn không thể để cho bị độc chiếm làm công cụ thống trị và cướp bóc công nhân, rằng giống như lao động của nô lệ và của nông nô, lao động làm thuê chỉ là hình thức nhất thời và thấp, cần phải nhường chỗ cho lao động liên hợp, tiến hành một cách *tự nguyện*” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994, tập 16, tr. 20). Bởi vì, theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n “chùng nào sự phân chia hoạt động còn được tiến hành không phải một cách *tự nguyện* mà một cách tự nhiên thì chùng đó hành động của bản thân con người sẽ trở thành một lực lượng xa lạ, đối lập với con người, và nô dịch con người, chứ không phải bị con người thống trị” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 47). Mà khi nào hoạt động “một cách *tự nguyện*” của mỗi cá nhân đạt được, như C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã chứng minh, chính là sự  *bình đẳng* giữa những con người được thể hiện trước hết ở chỗ “mỗi người *đều có thể* tự hoàn thiện mình trong bất kì lĩnh vực nào thích” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 47). Và khi đó, hoạt động của từng cá nhân không còn mang tính “*độc chuyên*” do bị ràng buộc bởi sự phân công lao động tự nhiên, nghĩa là con người được tự do (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 3, tr. 47). Nói cách khác, để cho những thành quả phát triển của lực lượng sản xuất với tính cách là sản phẩm sáng tạo của người lao động cuối cùng phải trở thành phương tiện thỏa mãn nhu cầu lao động và thông qua đó để phát triển ngày càng

toàn diện chính phẩm giá của người lao động, thì trước hết là phải xóa bỏ sự áp bức bất công của chế độ xã hội người bóc lột người, xây dựng một chế độ xã hội công bằng, để thực sự đạt đến việc “con người chiếm hữu bản chất toàn diện của mình một cách toàn diện, nghĩa là như một con người toàn vẹn” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000, tập 42, tr. 172). Đây chính là mục tiêu của một xã hội tiến bộ nhằm giải phóng con người khỏi sự tha hóa theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n.

## **2. Thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra trong nhận thức về sự phát triển con người**

Qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra tính từ cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến nay, xét về thực chất đều là các cuộc cách mạng tạo ra từ sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất trên cơ sở vận dụng tri thức khoa học, hay theo cách gọi của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n là “Sự vật hóa” hay “Đổi tượng hóa” khoa học vào trong các mắt khâu của quá trình sản xuất thông qua vai trò của kĩ thuật. Trên cơ sở đó, khi đánh giá về trình độ phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất ở giai đoạn cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2002, tập 4, tr. 603). Hay cụ thể hơn, khi đánh giá về vai trò của khoa học và sự ứng dụng của nó trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n cũng nhấn mạnh: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến (Wissen, knowledge) đã chuyển hóa đến mức độ nào đó thành lực lượng sản xuất trực tiếp” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tập 46, tr. 372). Còn khi chỉ ra vai trò của kĩ thuật trong việc gia tăng sự phát triển và ứng dụng của khoa học vào nền sản xuất xã hội, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n cũng nhận định: “Nếu kĩ thuật phụ thuộc trên mức độ đáng kể vào trạng thái của khoa học,... thì khoa học phụ thuộc vào *trạng thái và nhu cầu* của kĩ thuật ở mức độ lớn hơn nhiều. Nếu trong xã hội xuất hiện một nhu cầu kĩ thuật thì điều đó sẽ thúc đẩy khoa học tiến lên nhiều hơn một chục trường đại học” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1999, tập 39, tr. 271). Mặc dù có giống nhau như vậy, song cũng cần thấy rằng ở mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đều có đặc điểm riêng xét về sự nhấn mạnh đến các yếu tố chủ đạo trong nền sản xuất. Theo đó, nếu như hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và thứ hai chủ yếu là cách mạng về công cụ, phương tiện sản xuất, thì kể từ cách mạng công nghiệp lần thứ ba có thêm cách mạng về đối tượng lao động (công nghệ vật liệu mới, công nghệ na nô,...) và đến cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cách



mạng toàn diện ở cả hai phương diện: *một là*, về lực lượng sản xuất đó là sự phát triển về cả bốn yếu tố: người lao động, công cụ, phương tiện lao động, đối tượng lao động và đặc biệt là khả năng “kết nối” ngày càng trở nên “đồng bộ” giữa các yếu tố này so với trước đây, cũng theo đó lao động trực tiếp ngày càng giảm, lao động gián tiếp tăng lên; *hai là*, về quan hệ sản xuất, do sự tác động ngày càng sâu rộng của trình độ ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, đã kéo theo sự biến đổi trước hết về hình thức của bản thân quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối, nhưng quan trọng còn bởi hình thức trong sự tương tác của cả ba quan hệ này do sự thâm nhập và sự ứng dụng của khoa học - công nghệ với trình độ phát triển như hiện nay.

Chính với sự phát triển vượt bậc như hiện nay của lực lượng sản xuất, một lần nữa tham chiếu từ quan điểm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh khi chỉ ra địa vị của người lao động trong điều kiện đó sẽ càng thấy được sự sâu sắc trong những nhận định của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh đối với căn nguyên dẫn đến sự tha hóa con người và cơ sở cho việc xóa bỏ sự tha hóa ấy. Điều này thể hiện ở chỗ, đồng thời với việc làm rõ vị trí và vai trò của tri thức khoa học, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh cũng luôn nhấn mạnh vị trí và vai trò của người lao động trong lực lượng sản xuất, theo đó, trong lực lượng sản xuất thì trước hết tri thức khoa học phải ở yếu tố con người chứ không phải nằm ngoài con người, độc lập với con người. Tuy nhiên cũng theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh, trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa - điều kiện lao động “bị tha hóa” thì tri thức khoa học không còn thuộc về người lao động để tạo ra sức mạnh cho họ, mà trái lại khoa học đã trở thành một thuộc tính và sức mạnh của máy móc, một sức mạnh xa lạ nằm bên ngoài người lao động để thống trị họ.

Tán đồng với quan điểm mà C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh đã từng nêu ra, hơn một trăm năm sau đó, xuất phát từ nhìn nhận về thực tiễn xã hội mà nhân loại phải trải qua bởi sự tàn phá của chiến tranh xuất phát từ tham vọng quyền lực lấy khoa học và kỹ thuật làm công cụ, mà đỉnh điểm là cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai, nhà triết học có ảnh hưởng lớn nhất của trường phái Frankfurt chính là Marcuse cũng từng nêu rõ: “Sự ứng dụng của kỹ thuật, hơn nữa là bản thân kỹ thuật đều là sự thống trị giới tự nhiên và con người một cách có kế hoạch,... Lợi ích mục đích đặc thù của sự thống trị của hình thái ý thức khoa học có được ấy không phải là cái theo sau hay nằm ngoài kỹ thuật, mà chính do kết cấu kỹ thuật đã hình thành nên sự thống trị ấy của hình thái ý thức khoa học” (Herbert Marcuse, 1989, tr. 106). Hàm ý của Marcuse là ở chỗ, không phải ngẫu nhiên mà những

xã hội công nghiệp phát triển đã lợi dụng hình thái ý thức khoa học kỹ thuật này khiến cho mọi người trong xã hội đánh mất đi ý thức phê phán và tư duy phù định. Như Marcuse đã nhấn mạnh, từ *con người một chiều* đã bảo vệ cho *xã hội một chiều*, bằng cách chính văn hóa đại chúng bị bao trùm bởi hình thái ý thức khoa học đã trở thành môi giới và con đường đi vào thống trị xã hội.

Triết học Mác và Ph.Ăng-ghe-n, đặc biệt là quan điểm của triết học Mác và Ph.Ăng-ghe-n về bản chất con người và sự phát triển con người được hình thành trong chính giai đoạn của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và những bước chuyển sang cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Đó cũng là giai đoạn phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất được đem lại từ sự phát triển của khoa học - kỹ thuật song lại đẩy người lao động đến sự “què quặt”; “ôm yếu”; “trống rỗng về trí tuệ”; “không có nhân tính”,... Trải qua hơn hai trăm năm của bốn cuộc cách mạng công nghiệp là toàn bộ cơ sở thực tiễn tiếp tục cho việc khẳng định những giá trị cách mạng và khoa học của triết học Mác và Ph.Ăng-ghe-n trong quan điểm về bản chất con người, về sự tha hóa con người, cũng như điều kiện cho việc giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện con người trong điều kiện của cách mạng công nghiệp lần thứ tư - thời đại 4.0 của nhân loại nói chung và của Việt Nam nói riêng.

### Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1993. *Toàn tập*, tập 9. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
2. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1994. *Toàn tập*, tập 16, 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1995. *Toàn tập*, tập 1, 2, 3, 4, 21, 27, 46. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
4. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1999. *Toàn tập*, tập 39. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 2000. *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
6. Herbert Marcuse. 1989. *Văn minh hiện đại và sự khốn cùng của con người*. Nxb. Tam Liên, Thượng Hải (tiếng Trung Quốc).